

Antrag auf Erteilung eines Schengen –Visums



Foto

Dieses Antragsformular ist unentgeltlich
Tờ khai xin cấp thị thực Schengen
Tờ khai được phát miễn phí

1. Name (Familiename) <i>Họ</i> (x)			RESERVIERT FÜR AMTLICHE EINTRAGUNGEN <i>MỤC DÀNH RIÊNG CHO CƠ QUAN CHỨC NĂNG</i>
2. Familienname bei der Geburt (frühere(r) Familienname(n)) <i>Họ khi sinh (Họ trước đây)</i> (x)			
3. Vorname(n) (Beiname(n)) <i>Tên (Tên đệm)</i> (x)			Datum des Antrags:
4. Geburtsdatum (Jahr-Monat-Tag) <i>Ngày tháng năm sinh (năm-tháng-ngày)</i>	5. Geburtsort <i>Nơi sinh</i>	7. Derzeitige Staatsangehörigkeit <i>Quốc tịch hiện tại</i>	Nr. des Visumantrags
	6. Geburtsland <i>Quốc gia sinh</i>	Staatsangehörigkeit bei der Geburt (falls nicht wie oben) <i>Quốc tịch khi sinh (nếu khác quốc tịch hiện tại)</i>	
8. Geschlecht <i>Giới tính</i> <input type="checkbox"/> männlich <i>Nam</i> <input type="checkbox"/> weiblich <i>Nữ</i>			Antrag eingereicht bei <input type="checkbox"/> Botschaft/Konsulat <input type="checkbox"/> Gemeinsame Antragsbearbeitungsstelle <input type="checkbox"/> Dienstleistungserbringer <input type="checkbox"/> Kommerzieller Vermittler <input type="checkbox"/> Grenze
9. Familienstand <i>Tình trạng hôn nhân</i> <input type="checkbox"/> ledig <i>Độc thân</i> <input type="checkbox"/> verheiratet <i>Đã kết hôn</i> <input type="checkbox"/> getrennt <i>Ly thân</i> <input type="checkbox"/> geschieden <i>Ly hôn</i> <input type="checkbox"/> verwitwet <i>Góa chồng/vợ</i> <input type="checkbox"/> Sonstiges (bitte nähere Angaben): <i>Tình trạng khác (xin nêu rõ)</i>			
10. Bei Minderjährigen: Name, Vorname, Anschrift (falls abweichend von der des Antragstellers) und Staatsangehörigkeit des Inhabers der elterlichen Sorge / des Vormunds. <i>Trường hợp người chưa thành niên: họ, tên, địa chỉ (nếu không trùng với địa chỉ người xin cấp thị thực) và quốc tịch của người có quyền nuôi dưỡng/ người giám hộ.</i>			Name:
11. ggf. nationale Identitätsnummer <i>Số CMND, nếu có</i>			<input type="checkbox"/> Sonstige Stelle
12. Art des Reisedokuments <i>Loại giấy tờ thông hành</i> <input type="checkbox"/> Normaler Pass <i>Hộ chiếu phổ thông</i> <input type="checkbox"/> Diplomatenpass <i>Hộ chiếu ngoại giao</i> <input type="checkbox"/> Dienstpass <i>Hộ chiếu công vụ</i> <input type="checkbox"/> Amtlicher Pass <i>Hộ chiếu công</i> <input type="checkbox"/> Sonderpass <i>Hộ chiếu đặc biệt</i> <input type="checkbox"/> Sonstiges Reisedokument (bitte nähere Angaben) <i>Giấy tờ thông hành khác (xin nêu rõ)</i>			Akte bearbeitet durch:
13. Nummer des Reisedokuments <i>Số hộ chiếu/Giấy tờ thông hành</i>	14. Ausstellungsdatum <i>Ngày cấp</i>	15. Gültig bis <i>Ngày hết hạn</i>	Belege: <input type="checkbox"/> Reisedokument <input type="checkbox"/> Mittel zur Bestreitung des Lebensunterhalts <input type="checkbox"/> Einladung <input type="checkbox"/> Beförderungsmittel <input type="checkbox"/> Reisekranken-versicherung <input type="checkbox"/> Sonstiges:
16. Ausgestellt durch <i>Cơ quan cấp</i>			<input type="checkbox"/> Sonstiges
17. Wohnanschrift und E-Mail-Anschrift des Antragstellers <i>Địa chỉ nhà riêng và thư điện tử của người xin cấp thị thực</i>			Visum: <input type="checkbox"/> Abgelehnt <input type="checkbox"/> Erteilt: <input type="checkbox"/> A <input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> Visum mit räumlich beschränkter Gültigkeit
Telefonnummer(n) <i>(Các) số điện thoại</i>		<input type="checkbox"/> Gültig vom bis.....	
Anzahl der Einreisen: <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> mehrfach		Anzahl der Tage:	

Die mit * gekennzeichneten Felder müssen von Familienangehörigen von Unionsbürgern und von Staatsangehörigen des **EWR** oder der Schweiz (Ehegatte, Kind oder abhängiger Verwandter in aufsteigender Linie) in Ausübung ihres Rechts auf Freizügigkeit nicht ausgefüllt werden. Diese müssen allerdings ihre Verwandtschaftsbeziehung anhand von Dokumenten nachweisen und die Felder Nr. 34 und 35 ausfüllen. *Thành viên của công dân EU, khối kinh tế châu Âu hoặc Thụy Sĩ (vợ, chồng, con hoặc cha, mẹ, ông, bà sống phụ thuộc) không phải điền các mục đánh dấu * khi thực hiện quyền tự do đi lại của mình. Thành viên của công dân EU, khối kinh tế châu Âu hoặc Thụy Sĩ phải trình giấy tờ chứng minh quan hệ họ hàng và điền vào mục 34, 35.*

(x)Die Felder 1-3 sind entsprechend den Angaben im Reisedokument auszufüllen. *Mục 1-3 phải được điền chính xác như trong giấy tờ thông hành.*

<p>18. Wohnsitz in einem anderen Staat als dem, dessen Staatsangehörige(r) Sie gegenwärtig sind <i>Bạn hiện có cư trú tại một quốc gia khác với quốc gia bạn đang có quốc tịch không ?</i></p> <p><input type="checkbox"/> Nein <i>Không</i> <input type="checkbox"/> Ja. Aufenthaltstitel oder gleichwertiges Dokument Nr.Gültig bis..... <i>Có, Giấy phép cư trú hoặc giấy tờ tương đương số Có giá trị tới ngày</i></p>	
<p>19. Derzeitige berufliche Tätigkeit <i>Nghề nghiệp hiện tại</i></p>	
<p>* 20. Anschrift und Telefonnummer des Arbeitgebers. Für Studenten, Name und Anschrift der Bildungseinrichtung. <i>Tên, địa chỉ và số điện thoại của cơ quan. Đối với học sinh, sinh viên: tên và địa chỉ trường.</i></p>	
<p>21. Hauptzweck(e) der Reise: <i>(Các) mục đích chính của chuyến đi:</i> <input type="checkbox"/> Tourismus <i>Du lịch</i> <input type="checkbox"/> Geschäftsreise <i>Thương mại</i> <input type="checkbox"/> Besuch von Familienangehörigen oder Freunden <i>Thăm thân nhân hoặc bạn bè</i> <input type="checkbox"/> Kultur <i>Văn hóa</i> <input type="checkbox"/> Sport <i>Thể thao</i> <input type="checkbox"/> Offizieller Besuch <i>Thăm chính thức</i> <input type="checkbox"/> Gesundheitliche Gründe <i>Lý do y tế</i> <input type="checkbox"/> Studium <i>Học tập</i> <input type="checkbox"/> Durchreise <i>Quá cảnh</i> <input type="checkbox"/> Flughafentransit <i>Quá cảnh sân bay</i> <input type="checkbox"/> Sonstiges <i>(bitte nähere Angaben) Mục đích khác (xin nêu rõ)</i></p>	
<p>22. Bestimmungsmitgliedstaat(en) <i>(Các) nước đến thuộc khối Schengen</i></p>	<p>23. Mitgliedstaat der ersten Einreise <i>Nước thành viên sẽ nhập cảnh đầu tiên</i></p>
<p>24. Anzahl der beantragten Einreisen <i>Số lần nhập cảnh yêu cầu</i> <input type="checkbox"/> Einmalige Einreise <i>Một lần</i> <input type="checkbox"/> Zweimalige Einreise <i>Hai lần</i> <input type="checkbox"/> Mehrfache Einreise <i>Nhiều lần</i></p>	<p>25. Dauer des geplanten Aufenthalts oder der Durchreise <i>Thời gian dự định lưu trú hoặc quá cảnh</i> Anzahl der Tage angeben <i>Nêu rõ số ngày</i></p>
<p>26. Schengen-Visa, die in den vergangenen drei Jahren erteilt wurden <i>Thị thực Schengen được cấp trong vòng ba năm trở lại đây</i> <input type="checkbox"/> Keine <i>Không</i> <input type="checkbox"/> Ja. <i>Có.</i> Gültig von <i>Có giá trị từ ngày</i> bis <i>đến ngày</i></p>	
<p>27. Wurden Ihre Fingerabdrücke bereits für die Zwecke eines Antrags auf ein Schengen-Visum erfasst? <i>Bạn đã từng được lấy dấu vân tay khi xin cấp thị thực Schengen chưa?</i> <input type="checkbox"/> Nein <i>chưa</i> <input type="checkbox"/> Ja. <i>rồi</i> Datum <i>(falls bekannt) Thời gian (nếu biết)</i></p>	
<p>28. Ggf. Einreisegenehmigung für das Endbestimmungsland <i>Giấy tờ cho phép nhập cảnh vào nước đến cuối cùng trong hành trình (nếu cần)</i> Ausgestellt durch Gültig von bis <i>Cấp bởi Có giá trị từ ngày tới ngày</i></p>	
<p>29. Geplantes Ankunftsdatum im Schengen-Raum <i>Ngày dự định nhập cảnh vào khối Schengen</i></p>	<p>30. Geplantes Abreisedatum aus dem Schengen-Raum <i>Ngày dự định xuất cảnh khỏi khối Schengen</i></p>
<p>* 31. Name und Vorname der einladenden Person(en) in dem Mitgliedstaat bzw. den Mitgliedstaaten. Soweit dies nicht zutrifft, bitte Name des/der Hotels oder vorübergehende Unterkunft (Unterkünfte) in dem (den) betreffenden Mitgliedstaat(en) angeben. <i>Họ và tên (những) người mời tại các nước thành viên. Nếu không có, đề nghị nêu tên (các) khách sạn hoặc (những) địa chỉ tạm trú tại (các) nước thành viên.</i></p>	
<p>Adresse und E-Mail-Anschrift der einladenden Person(en) / jedes Hotels / jeder vorübergehenden Unterkunft <i>Địa chỉ và hòm thư điện tử của (những) người mời, (các) khách sạn, (các) địa chỉ tạm trú</i></p>	<p>Telefon und Fax <i>Số điện thoại và fax</i></p>

<p>*32. Name und Adresse des einladenden Unternehmens/der einladenden Organisation <i>Tên và địa chỉ cơ quan/tổ chức mời</i></p>	<p>Telefon und Fax des Unternehmens/der Organisation <i>Số điện thoại và fax của cơ quan/tổ chức mời</i></p>	
<p>Name, Vorname, Adresse, Telefon, Fax und E-Mail-Anschrift der Kontaktperson im Unternehmen/in der Organisation <i>Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của người liên hệ trong cơ quan/tổ chức mời</i></p>		
<p>*33. Die Reisekosten und die Lebenshaltungskosten während des Aufenthalts des Antragstellers werden getragen <i>Chi phí đi lại và ăn ở của người xin cấp thị thực trong thời gian lưu trú sẽ được chi trả</i></p>		
<p><input type="checkbox"/> durch den Antragsteller selbst <i>bởi chính người xin thị thực</i></p> <p>Mittel zur Bestreitung des Lebensunterhalts <i>Hình thức thanh toán</i></p> <p><input type="checkbox"/> Bargeld <i>Tiền mặt</i></p> <p><input type="checkbox"/> Reiseschecks <i>Séc du lịch</i></p> <p><input type="checkbox"/> Kreditkarte <i>Thẻ tín dụng</i></p> <p><input type="checkbox"/> Im Voraus bezahlte Unterkunft <i>Chỗ ở đã được trả tiền</i></p> <p><input type="checkbox"/> Im Voraus bezahlte Beförderung <i>Phương tiện đi lại đã được trả tiền</i></p> <p><input type="checkbox"/> Sonstiges (bitte nähere Angaben) <i>Hình thức khác (xin nêu rõ)</i></p>	<p><input type="checkbox"/> durch andere (Gastgeber, Unternehmen, Organisation), bitte nähere Angaben <i>bởi một đơn vị bảo lãnh (người mời, cơ quan, tổ chức), xin nêu rõ</i></p> <p>.....<input type="checkbox"/> siehe Feld 31 oder 32 <i>được nêu trong mục 31 hoặc 32</i></p> <p>.....<input type="checkbox"/> von sonstiger Stelle (bitte nähere Angaben) <i>bên khác (xin nêu rõ)</i></p> <p>Mittel zur Bestreitung des Lebensunterhalts <i>Hình thức thanh toán</i></p> <p><input type="checkbox"/> Bargeld <i>Tiền mặt</i></p> <p><input type="checkbox"/> Zur Verfügung gestellte Unterkunft <i>Chỗ ở được chu cấp</i></p> <p><input type="checkbox"/> Übernahme sämtlicher Kosten während des Aufenthalts <i>Chu cấp tất cả chi phí trong thời gian lưu trú</i></p> <p><input type="checkbox"/> Im Voraus bezahlte Beförderung <i>Phương tiện đi lại đã được trả tiền</i></p> <p><input type="checkbox"/> Sonstiges (bitte nähere Angaben) <i>Hình thức khác (xin nêu rõ)</i></p>	
<p>34. Persönliche Daten des Familienangehörigen, der Unionsbürger oder Staatsangehöriger des EWR oder der Schweiz ist <i>Thông tin cá nhân của thành viên gia đình là công dân EU, khối kinh tế châu Âu hoặc Thụy Sĩ</i></p>		
<p>Name <i>Họ</i></p>	<p>Vorname(n) <i>Tên</i></p>	
<p>Geburtsdatum <i>Ngày tháng năm sinh</i></p>	<p>Nationalität <i>Quốc tịch</i></p>	<p>Nr. des Reisedokuments oder des Personalausweises <i>Giấy tờ thông hành hoặc CMND số</i></p>
<p>35. Verwandtschaftsverhältnis zum Unionsbürger oder Staatsangehörigen des EWR oder der Schweiz <i>Quan hệ họ hàng với công dân EU, khối kinh tế châu Âu hoặc Thụy Sĩ</i></p> <p><input type="checkbox"/> Ehegatte <i>Vợ/Chồng</i> <input type="checkbox"/> Kind <i>Con</i> <input type="checkbox"/> Enkelkind <i>Cháu</i></p> <p><input type="checkbox"/> abhängiger Verwandter in aufsteigender Linie <i>Cha, mẹ, ông, bà sống phụ thuộc</i></p>		
<p>36. Ort und Datum <i>Ngày và nơi làm đơn</i></p>	<p>37. Unterschrift (für Minderjährige Unterschrift des Inhabers der elterlichen Sorge / des Vormunds) <i>Chữ ký (Đối với người chưa thành niên: chữ ký của người có quyền nuôi dưỡng/người giám hộ)</i></p>	
<p>Mir ist bekannt, dass die Visumgebühr bei Ablehnung des Visumantrages nicht erstattet wird. <i>Tôi nhận thức rõ rằng lệ phí thị thực sẽ không được hoàn lại nếu đơn xin cấp thị thực bị từ chối.</i></p>		
<p>Im Falle der Beantragung eines Visums für mehrfache Einreisen (siehe Feld 24) <i>Trong trường hợp xin thị thực nhập cảnh nhiều lần (xem mục 24):</i> Mir ist bekannt, dass ich über eine angemessene Reisekrankenversicherung für meinen ersten Aufenthalt und jeden weiteren Besuch im Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten verfügen muss. <i>Tôi nhận thức rõ sự cần thiết phải có bảo hiểm y tế du lịch phù hợp cho lần lưu trú đầu tiên và những lần lưu trú tiếp theo tại lãnh thổ các quốc gia thành viên.</i></p>		

Mir ist bekannt und ich bin damit einverstanden, dass im Hinblick auf die Prüfung meines Visumantrags die in diesem Antragsformular geforderten Daten erhoben werden müssen, ein Lichtbild von mir gemacht werden muss und gegebenenfalls meine Fingerabdrücke abgenommen werden müssen. Die Angaben zu meiner Person, die in diesem Visumantrag enthalten sind, sowie meine Fingerabdrücke und mein Lichtbild werden zwecks Entscheidung über meinen Visumantrag an die zuständigen Behörden der Mitgliedstaaten weitergeleitet und von diesen Behörden bearbeitet.

Diese Daten sowie Daten in Bezug auf die Entscheidung über meinen Antrag oder eine Entscheidung zur Annullierung, Aufhebung oder Verlängerung eines Visums werden in das Visa-Informationssystem (VIS)¹ eingegeben und dort höchstens fünf Jahre gespeichert; die Visumbehörden und die für die Visumkontrolle an den Außengrenzen und in den Mitgliedstaaten zuständigen Behörden sowie die Einwanderungs- und Asylbehörden in den Mitgliedstaaten haben während dieser fünf Jahre Zugang zum VIS, um zu überprüfen, ob die Voraussetzungen für die rechtmäßige Einreise in das Gebiet und den rechtmäßigen Aufenthalt im Gebiet der Mitgliedstaaten erfüllt sind, um Personen zu identifizieren, die diese Voraussetzungen nicht bzw. nicht mehr erfüllen, um einen Asylantrag zu prüfen und um zu bestimmen, wer für diese Prüfung zuständig ist. Zur Verhütung und Aufdeckung terroristischer und anderer schwerer Straftaten und zur Ermittlung wegen dieser Straftaten haben unter bestimmten Bedingungen auch benannte Behörden der Mitgliedstaaten und Europol Zugang zu diesen Daten. Die für die Verarbeitung der Daten zuständige Behörde des Mitgliedstaates ist: Bundesverwaltungsamt, D-50728 Köln, visa@bva.bund.de.

Mir ist bekannt, dass ich berechtigt bin, in jedem beliebigen Mitgliedstaat eine Mitteilung darüber einzufordern, welche Daten über mich im VIS gespeichert wurden und von welchem Mitgliedstaat diese Daten stammen; außerdem bin ich berechtigt zu beantragen, dass mich betreffende Daten, die unrichtig sind, korrigiert und rechtswidrig verarbeitete Daten, die mich betreffen, gelöscht werden. Die konsularische Vertretung, die meinen Antrag prüft, liefert mir auf ausdrücklichen Wunsch Informationen darüber, wie ich mein Recht wahrnehmen kann, die Daten zu meiner Person zu überprüfen und unrichtige Daten gemäß den Rechtsvorschriften des betreffenden Mitgliedstaats ändern oder löschen zu lassen, sowie über die Rechtsmittel, die das Recht des betreffenden Mitgliedstaats vorsieht. Zuständig für Beschwerden über den Schutz personenbezogener Daten ist die staatliche Aufsichtsbehörde dieses Mitgliedstaats: Der Bundesbeauftragte für den Datenschutz und die Informationsfreiheit, Husarenstraße 30, D-53117 Bonn, Tel.: +49 (0)228-997799-0, Fax: +49 (0)228-997799-550, poststelle@bfdi.bund.de, www.bfdi.bund.de

Ich versichere, dass ich die vorstehenden Angaben nach bestem Wissen und Gewissen gemacht habe und dass sie richtig und vollständig sind. Mir ist bewusst, dass falsche Erklärungen zur Ablehnung meines Antrags oder zur Annullierung eines bereits erteilten Visums führen und die Strafverfolgung nach den Rechtsvorschriften des Mitgliedstaats, der den Antrag bearbeitet, auslösen können.

Ich verpflichte mich dazu, das Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten vor Ablauf des Visums zu verlassen, sofern mir dieses erteilt wird. Ich wurde davon in Kenntnis gesetzt, dass der Besitz eines Visums nur eine der Voraussetzungen für die Einreise in das europäische Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten ist. Aus der Erteilung des Visums folgt kein Anspruch auf Schadensersatz, wenn ich die Voraussetzungen nach Artikel 5 Absatz 1 der Verordnung (EG) Nr. 562/2006 (Schengener Grenzkodex) nicht erfülle und mir demzufolge die Einreise verweigert wird. Die Einreisevoraussetzungen werden bei der Einreise in das europäische Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten erneut überprüft.

Tôi nhận thức rõ và đồng ý rằng: Trong quá trình xét hồ sơ xin cấp thị thực, việc cung cấp những thông tin yêu cầu trong tờ khai xin cấp thị thực, chụp ảnh và lấy dấu vân tay của tôi trong trường hợp cần thiết là bắt buộc; mọi thông tin cá nhân nêu trong tờ khai cũng như dấu vân tay và ảnh của tôi sẽ được chuyển đến và được xử lý bởi các cơ quan chức năng của các nước thành viên nhằm mục đích đưa ra quyết định đối với đơn xin cấp thị thực của tôi.

Những dữ liệu này cũng như những thông tin liên quan tới quyết định về đơn xin cấp thị thực của tôi hoặc liên quan tới quyết định hủy bỏ, thu hồi hay gia hạn thị thực sẽ được nhập và lưu trữ trong Hệ Thống Thông Tin Thị Thực (VIS)¹ trong thời gian tối đa là 5 năm. Trong thời gian này các cơ quan cấp thị thực và các cơ quan có chức năng kiểm tra thị thực tại biên giới bên ngoài và trong phạm vi các nước thành viên cũng như các cơ quan di trú và tị nạn của các nước thành viên có thể truy cập các dữ liệu và thông tin lưu trong VIS nhằm mục đích: xác minh xem các điều kiện nhập cảnh và lưu trú hợp pháp tại các nước thành viên có được đáp ứng hay không, nhận dạng những cá nhân không hoặc không còn đáp ứng được những yêu cầu đó, kiểm tra đơn xin tị nạn và quyết định về thẩm quyền trong việc kiểm tra. Dưới những điều kiện nhất định các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của các nước thành viên và Europol cũng có thể truy cập những thông tin và dữ liệu này nhằm mục đích phòng chống, phát hiện và điều tra các tội phạm khủng bố và các hành vi phạm tội nguy hiểm khác. Cơ quan có thẩm quyền xử lý dữ liệu của nước thành viên là Bundesverwaltungsamt, D-50728 Köln, visa@bva.bund.de.

Tôi biết rõ rằng tôi có quyền yêu cầu tại bất cứ nước nào trong các quốc gia thành viên thông báo về các dữ liệu liên quan đến tôi được lưu trữ trong VIS và tên quốc gia thành viên đã truyền các dữ liệu đó, quyền yêu cầu chỉnh sửa các dữ liệu không chính xác liên quan tới cá nhân tôi cũng như xóa các dữ liệu liên quan đến tôi bị xử lý một cách phi pháp. Khi tôi yêu cầu bằng văn bản, cơ quan thụ lý đơn đề nghị của tôi sẽ thông báo với tôi cách thức tôi có thể thực hiện quyền kiểm tra các dữ liệu cá nhân liên quan tới tôi và chỉnh sửa hay xóa bỏ chúng, bao gồm cả các phương tiện pháp lý theo luật pháp của quốc gia thành viên có liên quan. Cơ quan nhà nước có quyền giám sát của quốc gia thành viên đó (Der Bundesbeauftragte für den Datenschutz und die Informationsfreiheit, Husarenstraße 30, D-53117 Bonn, Tel.: +49 (0)228-997799-0, Fax: +49 (0)228-997799-550, poststelle@bfdi.bund.de, www.bfdi.bund.de.) sẽ tiếp nhận các khiếu nại về việc bảo mật thông tin cá nhân.

Tôi cam đoan với tất cả sự hiểu biết của mình rằng những thông tin mà tôi cung cấp là đúng và đầy đủ. Tôi ý thức rõ rằng bất cứ thông tin khai man nào cũng dẫn tới việc hồ sơ xin cấp thị thực của tôi bị từ chối hoặc thị thực đã cấp cho tôi bị hủy bỏ và tôi có thể bị truy tố hình sự theo luật pháp của quốc gia thành viên thụ lý hồ sơ.

Nếu được cấp thị thực, tôi cam kết sẽ rời khỏi lãnh thổ các quốc gia thành viên trước khi thị thực hết hạn. Tôi cũng được cho biết rằng việc có thị thực chỉ là một trong những điều kiện để nhập cảnh vào lãnh thổ châu Âu thuộc các quốc gia thành viên. Việc được cấp thị thực không có nghĩa là tôi được quyền đòi hỏi bồi thường nếu tôi bị từ chối nhập cảnh do không đáp ứng được các điều kiện nêu trong khoản 1 điều 5 Luật số 562/2006 (Luật Biên Giới Schengen). Những điều kiện để nhập cảnh sẽ được kiểm tra lại khi nhập cảnh vào lãnh thổ châu Âu thuộc các quốc gia thành viên.

Ort und Datum Ngày và nơi làm đơn

Unterschrift (für Minderjährige Unterschrift des Inhabers der elterlichen Sorge / des Vormunds) Chữ ký (Đối với người chưa thành niên: chữ ký của người có quyền nuôi dưỡng/người giám hộ)